

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của
Đại học Bách khoa Hà Nội theo Quyết định số 1938/QĐ-BGDĐT ngày 6/7/2026**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng đại học ban hành theo Nghị quyết số 40/NQ-ĐHBK ngày 02 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng đại học ban hành theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHBK ngày 02 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ Quy chế Công tác cán bộ của Đại học Bách khoa Hà Nội do Giám đốc đại học ban hành theo Quyết định số 1606/QĐ-ĐHBK ngày 09 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Quy chế Chi tiêu nội bộ của Đại học Bách khoa Hà Nội do Giám đốc đại học ban hành theo Quyết định số 1616/QĐ-ĐHBK ngày 10 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-BGDĐT ngày 6/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2026 của Đại học Bách khoa Hà Nội (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Giao cho Ban Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng Ban Tài chính – Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.



GS.TS Lê Anh Tuấn



Đơn vị: Đại học Bách khoa Hà Nội

Chương: 022

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 12186 /QĐ-ĐHKB ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Đại học Bách khoa Hà Nội Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Đại học Bách khoa Hà Nội theo Quyết định số 1938/QĐ-BGDDT ngày 6/7/2026)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	-
2	Phí	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp.....	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-
1	Lệ phí	-
2	Phí	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	3.047.080.000
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.047.080.000
2.1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.047.080.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.2.1	Kinh phí sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.2.1.1	Loại 070 - khoản 081	
3.2.1.1.1	Chi chế độ chính sách cho người học (miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; Quyết định số 66/2013/ QĐ-TTg; Quyết định số 1121/1997/ QĐ-TTg; Quyết định số 194/2001/ QĐ-	

	<i>TTg; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC và các chế độ khác nếu có; không bao gồm kinh phí theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP) (bao gồm cả số còn thiếu của năm trước nếu có).</i>	
3.2.1.1.2	<i>Vốn Viện trợ (nước ngoài)</i>	
3.2.1.1.2.1	<i>Dự án nâng cao năng lực đào tạo kỹ sư hàn tại ĐHBKHN</i>	
3.2.1.1.3	<i>Kinh phí đào tạo lưu học sinh diện Hiệp định vào VN (không gồm lưu học sinh Lào, Campuchia) (bao gồm cả số còn thiếu của năm trước nếu có)</i>	
3.2.1.2	Loại 070 - khoản 084 – Mã số CTMT 0968	
3.2.1.2.1	Kinh phí đào tạo trong nước thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030” (Đề án 89) (bao gồm cả số còn thiếu của năm trước nếu có)	
4	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn 1: từ năm 2026 đến năm 2030	
4.1		
4.1.1	<i>Nền tảng số tích hợp AI phát triển năng lực tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp</i>	
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
6	Chi bảo đảm xã hội	-
7	Chi hoạt động kinh tế	-
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
9	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
10	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
11	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-
1	Chi quản lý hành chính	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-
1	Chi quản lý hành chính	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-

6	Chi hoạt động kinh tế	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-



QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi tiết ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương;

Căn cứ Công văn số 3774/BKHCN-KHTC ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Các Thủ trưởng (để chỉ đạo);
 - Bộ Tài chính;
 - KBNN Trung ương;
 - Đơn vị sử dụng ngân sách;
 - KBNN nơi đơn vị giao dịch
- (Gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);*
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



BỘ TRƯỞNG

Hoàng Minh Sơn
Hoàng Minh Sơn

TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1938 /QĐ-BGDDT ngày 06/7 /2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng	Chi tiết dự toán bổ sung				Mã số đơn vị SDNSNN	Mã số KBNN	KBNN nơi giao dịch	Ghi chú
			Lĩnh vực KHCN		Lĩnh vực ĐMST	Lĩnh vực CDS				
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN mở mới						
			Khoản 101-KTX	Khoản 101- KTC		Khoản 121-KTX				
	TỔNG SỐ	3.047,08	-	-		3.047,08				
1	Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin	3.047,08		-		3.047,08	1057467	0014	Phòng Giao dịch số 2-Kho bạc Nhà nước Khu vực I	
		-				-				

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1057467

(Kèm theo Quyết định số 1938 /QĐ-BGDĐT ngày 06 / 7 /2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Khoản	Dự toán đã giao	Dự toán bổ sung		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
	Dự toán chi ngân sách nhà nước		7.280,92	-	3.047,08	10.328,00	
	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số- Loại 100. Trong đó:		7.280,92	-	3.047,08	10.328,00	
a	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	108				-	
b	Dự toán chi thường xuyên giao không tự chủ, bao gồm:		7.280,92	-	3.047,08	10.328,00	
	Chuyển đổi số, trong đó	121	7.280,92	-	3.047,08	10.328,00	
	Nâng cấp, mở rộng CSDL về giáo dục đại học (HEMIS) phục vụ quản lý, điều hành của Bộ		7.280,92		3.047,08	10.328,00	Nhiệm vụ Bộ giao tại Quyết định số 659/QĐ-BGDĐT ngày 23/3/2026

"- Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1938 /QĐ-BGDĐT ngày 06 / 7 /2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Khoản	Dự toán đã giao	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Mã số đơn vị SDNSNN	KBNN nơi giao dịch		Ghi chú
				Giảm	Tăng			Mã số KBNN	KBNN	
	Dự toán chi ngân sách nhà nước		15.328,00	3.047,08	3.047,08	15.328,00				
	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số- Loại 100. Trong đó:		15.328,00	3.047,08	3.047,08	15.328,00				
a	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	108				-				
b	Dự toán chi thường xuyên giao không tự chủ, bao gồm:		15.328,00	3.047,08	3.047,08	15.328,00				
1	CỤC KHCNTT						1057467	0014	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I	
	Nâng cấp, mở rộng CSDL về giáo dục đại học (HEMIS) phục vụ quản lý, điều hành của Bộ	121	10.328,00	3.047,08		7.280,92				
2	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI						1057109	0014	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I	
	Nghiên cứu, phát triển một số công nghệ và sản phẩm trí tuệ nhân tạo tại biên (Edge AI) phục vụ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	101	5.000,00		3.047,08	8.047,08				

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Đại học Bách Khoa Hà Nội

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1057109

(Kèm theo Quyết định số 1938 /QĐ-BGDDT ngày 06 / 7 /2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Khoản	Dự toán đã giao	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
	Dự toán chi ngân sách nhà nước		5.000,00	-	3.047,08	8.047,08	
	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số- Loại 100. Trong đó:		5.000,00	-	3.047,08	8.047,08	
a	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	108				-	
b	Dự toán chi thường xuyên giao không tự chủ, bao gồm:		5.000,00	-	3.047,08	8.047,08	
	Khoa học và công nghệ	101	5.000,00	-	3.047,08	8.047,08	
	Nghiên cứu, phát triển một số công nghệ và sản phẩm trí tuệ nhân tạo tại biên (Edge AI) phục vụ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		5.000,00		3.047,08	8.047,08	

"- Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1057467

(Kèm theo Quyết định số 1938 /QĐ-BGDĐT ngày 06 / 7 /2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Khoản	Dự toán đã giao	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
	Dự toán chi ngân sách nhà nước		10.328,00	3.047,08	-	7.280,92	
	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số- Loại 100. Trong đó:		10.328,00	3.047,08	-	7.280,92	
a	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	108				-	
b	Dự toán chi thường xuyên giao không tự chủ, bao gồm:		10.328,00	3.047,08	-	7.280,92	
	Chuyển đổi số, trong đó	121	10.328,00	3.047,08	-	7.280,92	
	Nâng cấp, mở rộng CSDL về giáo dục đại học (HEMIS) phục vụ quản lý, điều hành của Bộ		10.328,00	3.047,08	-	7.280,92	Nhiệm vụ Bộ giao tại Quyết định số 659/QĐ-BGDĐT ngày 23/3/2026

CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Đại học Bách khoa Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1938 /QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	Dự toán đã giao	Dự toán tăng		Ghi chú
				Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	8.047,08	5.000,00	3.047,08	-	
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ chuyển tiếp	8.047,08	5.000,00	3.047,08	-	
1	Hệ thống đối sánh khuôn mặt tích hợp khả năng phòng chống giả mạo khuôn mặt Mã số: CT2025.EA.BKA.01	357,27	222,00	135,27		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
2	Hệ thống đối sánh vân tay 1:N ứng dụng trong các thiết bị thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.02	335,92	209,00	126,92		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
3	Hệ thống đối sánh mống mắt 1:N ứng dụng trong các thiết bị thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.03	353,60	220,00	133,60		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
4	Hệ thống nhận dạng người nói ứng dụng trong các thiết bị thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.04	379,62	236,00	143,62		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
5	Nghiên cứu phát triển thuật toán/mô hình/công cụ sử dụng dữ liệu DNA trong xác định danh tính và theo dõi sức khỏe trên thiết bị thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.05	379,62	236,00	143,62		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
6	Bộ thu GNSS định nghĩa bằng phần mềm (SDR) tối ưu hóa bằng NPU trên thiết bị tính toán biên Mã số: CT2025.EA.BKA.06	357,27	222,00	135,27		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
7	Nghiên cứu phương pháp định vị GNSS tăng cường độ chính xác bằng dữ liệu thị giác máy tính Mã số: CT2025.EA.BKA.07	357,27	222,00	135,27		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT

TT	Nội dung	Tổng	Dự toán đã giao	Dự toán tăng		Ghi chú
				Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
8	Nghiên cứu, phát triển và tích hợp các phương pháp mật mã hậu lượng tử, ứng dụng trong bảo mật thông tin cho thiết bị thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.08	361,94	225,00	136,94		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
9	Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các mô hình ngôn ngữ lớn và nhận dạng tiếng nói triển khai trên các thiết bị tính toán biên Mã số: CT2025.EA.BKA.09	662,50	412,00	250,50		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
10	Thiết bị thu nhận dữ liệu sinh trắc học thông minh phục vụ triển khai luật căn cước: thu nhận vân tay, khuôn mặt, mống mắt, và giọng nói Mã số: CT2025.EA.BKA.10	379,62	236,00	143,62		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
11	Nghiên cứu và phát triển hệ thống trạm và bộ thu đảm bảo an ninh định vị vệ tinh phục vụ giám sát và cảnh báo thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.11	627,14	390,00	237,14		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
12	Thiết bị số công tác điện tử thông minh phục vụ hoạt động nghiệp vụ ngành Công an Mã số: CT2025.EA.BKA.12	357,27	222,00	135,27		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
13	Hệ thống đánh giá độ khả tín, tạo lập danh sách các đối tượng tình nghi phục vụ công tác phòng chống tội phạm dựa trên dữ liệu dân cư và các dữ liệu nội ngành Mã số: CT2025.EA.BKA.13	335,92	209,00	126,92		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
14	Nghiên cứu và phát triển hệ thống thông minh ngăn chặn hoạt động máy bay không người lái (drone) Mã số: CT2025.EA.BKA.14	371,28	231,00	140,28		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
15	Thiết bị kiểm soát ra vào sử dụng thẻ căn cước và đối sánh đa sinh trắc học theo Luật Căn cước mới: vân tay, khuôn mặt, mống mắt Mã số: CT2025.EA.BKA.15	371,28	231,00	140,28		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
16	Thiết bị cho hệ thống phòng hợp thông minh kết hợp tổ thư ký ảo Mã số: CT2025.EA.BKA.16	313,57	195,00	118,57		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
17	Nghiên cứu thiết kế vi mạch trí tuệ nhân tạo phát hiện rối loạn nhịp tim – rung tâm nhĩ Mã số: CT2025.EA.BKA.17	318,24	198,00	120,24		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT

TT	Nội dung	Tổng	Dự toán đã giao	Dự toán tăng		Ghi chú
				Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
18	Nghiên cứu, chế tạo bộ phận điều khiển và tích hợp cảm biến cho thiết bị lặn điều khiển từ xa ROV Mã số: CT2025.EA.BKA.18	268,87	167,00	101,87		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
19	Phương pháp xác định khoảng cách vật cản dưới nước kết hợp sóng âm và nhận dạng hình ảnh phục vụ điều khiển ROV Mã số: CT2025.EA.BKA.19	331,25	206,00	125,25		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
20	Hệ thống giám sát và tăng cường độ tập trung cho học sinh, sinh viên Mã số: CT2025.EA.BKA.20	379,62	236,00	143,62		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
21	Nghiên cứu ứng dụng AI tại biên trong phát triển giải pháp dẫn đường chủ động cho UAV thông minh Mã số: CT2025.EA.BKA.21	353,62	220,00	133,62		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT
22	Giải pháp điều hành và quản lý chương trình nghiên cứu, phát triển một số công nghệ và sản phẩm trí tuệ nhân tạo tại biên (Edge AI) phục vụ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	94,39	55,00	39,39		Nhiệm vụ tại QĐ số 3651/QĐ-BGDĐT